**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN EA KAR**
**TỈNH ĐẮK LẮK**
Bản án số: 08 /2025/HSST
Ngày: 27/02/2025.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Hoàng Long.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết .

2. Ông Lê Khắc Dũng.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Phan Hoài Đông, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST -HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Trần Thị V**;** Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989, tại Tuyên Quang; giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Buôn V, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam: Con ông: Trần Văn T và bà Trần Thị H, sinh năm 1967; có chồng là Hoàng Lưu V1, sinh năm 1982; có 02 người con; con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Đình Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: Số C đường L, phường T, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện hợp pháp của bị hại:*

+ Bà Lê Thị H1, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Buôn V, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Buôn V, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Buôn V, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 2004 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Buôn V, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Nguyễn Văn T3 (vắng mặt).

Nơi cư trú: G, tổ C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện theo ủy quyền của* anh Nguyễn Văn T3 là bà Lê Thị H1, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Buôn V, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Lưu V1.

Địa chỉ: Buôn V, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người làm kiến:* Ông Giáp Văn T4, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 23/5/2024, Trần Thị V (đã có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô biển số 47F1- 194.76 trên đường liên xã (theo hướng xã E đi xã C) với vận tốc khoảng 50km/h, khi đi đến đoạn đường gần cổng nhà ông Giáp Văn Tùy T5 thôn B, xã C thì nhìn thấy ông Nguyễn Văn T6 đang điều khiển xe đạp đi phía trước, theo chiều ngược lại, ở phần đường bên phải (theo hướng xã E đi xã C). Lúc này, ông T6 đang điều khiển xe đạp chuyển hướng từ lề đường bên phải để đi sang phần đường bên trái (theo hướng xã E đi xã C). Do không chú ý quan sát phía trước nên khi khoảng cách giữa xe mô tô và xe đạp còn khoảng 20m thì V mới phát hiện ra ông T6 nên bấm còi báo hiệu và điều khiển xe mô tô đi từ phần đường bên phải (theo hướng xã E đi xã C) ra giữa đường để tránh xe đạp của ông T6. Lúc khoảng cách giữa xe mô tô của V với xe đạp của ông T6 khoảng 05m thì V phát hiện thấy ông T6 đã đi gần đến phần giữa đường; do khoảng cách quá gần, V không kịp xử lý tình huống nên tiếp tục điều khiển xe mô tô đi thẳng làm cần đạp thắng bên phải của mô tô do V điều khiển đã va chạm với bánh trước của xe đạp do ông T6 điều khiển dẫn đến tai nạn. Hậu quả, ông

T6, V bị thương tích phải đi điều trị thương tích tại bệnh viện V2, xe mô tô và xe đạp bị hư hỏng. Đến ngày 24/5/2024, thì ông T6 tử vong.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông tại đoạn đường liên xã E - C, phía trước nhà ông Giáp Văn Tùy T5 thôn B, xã C, huyện E; là đoạn đường thẳng được trải bê tông nhựa bằng phẳng, có mặt đường rộng 5m50; 02 bên đường có cọc tiêu nhưng không có biển báo hiệu đường bộ.

+ Chọn mép đường bên phải theo hướng xã C đi xã E làm mép đường chuẩn.

+ Chọn trụ điện số 476EKA/5061/3 nằm bên phải đường theo hướng xã C đi xã E làm mép đường chuẩn.

+ Xe đạp được đánh số 1: Sau tai nạn ngã sang bên trái nằm trên phần đường nhựa bên phải đường liên xã theo hướng xã E - C. Đầu số 1 hướng về xã C và hơi chệch vào mép đường nhựa bên phải đường liên xã theo hướng xã E đi xã C. Đuôi số 1 hướng về xã E và hơi chệch về mép đường chuẩn. Trục trước số 1 cách mép đường chuẩn 4m50, cách điểm làm mốc là 10m40; trục sau số 1 cách mép đường chuẩn là 3m95.

+ Xe mô tô biển số 47F1-194.76 đánh số 2: Sau tai nạn ngã sang bên phải trên phần đường đất nằm bên phải đường liên xã theo hướng C - E Đầu số 2 hướng về xã E, đuôi số 2 hướng về xã C. Trục trước số 2 cách mép đường chuẩn 0,63m; cách trục trước số 1 là 14m40. Trục sau số 2 cách mép đường chuẩn 0m23.

+ Vết cày kích thước 0m05 x 0m02 x 0m01 được đánh số 3: Nằm trên phần đường bên phải đường liên xã theo hướng xã C - E T7 số 3 cách mép đường chuẩn 1m36; cách trục trước số 1 là 7m14.

+ Vết xước dài 0m70 được đánh số 4: Nằm trên phần đường bên phải đường liên xã, theo hướng xã C đi xã E Đầu số 4 cách mép đường chuẩn 1m10, cách tâm số 3 là 0m30; đuôi số 4 cách mép đường chuẩn 0m90. Số 4 có chiều hướng E đi C.

+ Vết cày đất 1, kích thước 2m37 x 0m04 x 0m02 được đánh số 5: Nằm trên phần đường đất bên phải đường liên xã theo hướng C đi E Đầu số 5 đo vào mép đường chuẩn là 0m40, cách đuôi số 4 là 4m90; đuôi số 5 đo vào mép đường chuẩn là 1m15. Số 5 có chiều hướng E - C.

+ Vết cày đất 2, kích thước 0m70 x 0m05 x 0m02 được đánh số 6: Nằm trên lề đất bên phải đường liên xã theo hướng C - E Đầu số 6 cách mép đường chuẩn là 0m40; cách đầu số 5 là 1m50; đuôi số 6 cách mép đường chuẩn là 0m48. Số 6 có chiều hướng E - C.

Căn cứ tài liệu chứng cứ, dữ liệu điện tử thu được, kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện xác định điểm va chạm đầu tiên giữa xe mô tô biển số 47F1-194.76 với xe đạp có hình chiếu xuống mặt đường tại nơi xảy ra tai nạn giao thông thuộc phần đường bên phải đường liên xã theo hướng E - C. Điểm va trạm đầu tiên giữa hai phương tiện cách mép đường chuẩn là 3m10, cách trục trước số 1 là 2m88, cách trục trước số 2 là 16m20.

Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 136/KLGĐTT-PY ngày 23/8/2024, kết luận: Nguyên nhân chết của ông Nguyễn Văn T6 là do chấn thương sọ não nặng/ nhiều thương tích do tai nạn giao thông.

Vật chứng, tài liệu thu giữ gồm: 01 xe đạp; 01 xe mô tô biển số 47F1 – 194.76; 01 giấy phép lái xe số: 661121804021 hạng A1 mang tên Trần Thị V do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 14/07/2016; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47F1 – 194.76, số: 019230 mang tên Hoàng Lưu V1.

- 01 đĩa CD có chứa dữ liệu được trích xuất từ Camera an ninh của nhà ông Giáp Văn T4 ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn.

Cáo trạng số: 12/CT - VKS ngày 24 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố bị cáo Trần Thị V về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hìnhsự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị V khai nhận diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung của bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo khai nhận: Do ý thức chủ quan, không chấp hành đúng Luật giao thông đường bộ nên vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 23/5/2024, Trần Thị V là người có Giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định điều khiển xe mô tô biển số 47F1 – 194.76 lưu thông trên đường liên xã theo hướng xã E đi xã C để về nhà ở Buôn V, xã C. Tuy nhiên, khi đi đến gần cổng nhà ông Giáp Văn Tùy T5 thôn B, xã C, do thiếu quan sát phía trước, tránh vượt không đảm bảo an toàn nên Trần Thị V đã để xe mô tô do mình điều khiển va cham với xe đạp do ông Nguyễn Văn T6 điều khiển đi phía trước, theo chiều ngược lại ở phần đường bên phải đề sang phần đường bên trái. Hậu quả, ông T6, V bị thương tích phải đi điều trị tại bệnh viện vùng T, xe mô tô và xe đạp bị hư hỏng nhẹ. Đến ngày 24/5/2024, ông T6 tử vong.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị V phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Thị V từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại 01 giấy phép lái xe số: 661121804021 hạng A1 mang tên Trần Thị V do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 14/07/2016 cho bị cáo V; Trả 01 xe mô tô biển số 47F1 – 194.76 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47F1 – 194.76, số: 019230 mang tên Hoàng Lưu V1 cho ông Hoàng Lưu V1, là các chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 01 xe đạp cho bà Lưu Thị H3 là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T6.

Lưu cùng hồ sơ để làm chứng cứ giải quyết vụ án 01 đĩa CD có chứa dữ liệu được trích xuất từ Camera an ninh của nhà ông Giáp Văn T4 ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Trần Thị V đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000đ. Gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về dân sự nên không đề cập để giải quyết.

Phần tranh luận bị cáo Trần Thị V không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Thị V: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Thị V về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 là có căn cứ. Tuy nhiên sau khi tai nạn xảy ra bị cáo cũng bị thương tích, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000đồng, được gia đình bị hại có đơn bãi nại, xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên trình độ hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Mặt khác nguyên nhân xãy ra tai nạn là do một phần lỗi của người bị hại, do đó đề nhị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để áp dụng cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện Kiểm S và cho bị cáo được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

**[1]** Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

**[2]** Về hành vi của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơđiều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào khoảng 15 giờ 20 phút ngày 23/5/2024, khi điều khiển xe mô tô do thiếu chú ý quan sát, tránh xe chạy ngược chiều không đảm bảo an toàn nên bị cáo đã để xe máy do mình điều khiển va chạm với xe đạp do ông Nguyễn Văn T6 đang đi ngược chiều phía hậu quả làm ông T6 tử vong.

Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 12, Điều 17 của Luật giao thông đường bộ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến an toàn công cộng, xâm hại đến tính mạng của người khác. Do đó, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bị cáo Trần Thị V, về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

*"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a, L chết người".*

Bị cáo đã có giấy phép lái xe hạng A1, có đầy đủ nhận thức và biết rõ khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn; khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi phát hiện ông T6 đang đi xe đạp ngược chiều ở phía trước. Tuy nhiên, do chủ quan, thiếu chú ý quan sát không làm chủ tốc độ khi tránh xe ngược chiều nên bị cáo đã để xe mô tô do mình điều khiển va chạm với xe đạp của ông Nguyễn Văn T6 làm ông T6 chết. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

**[3]** Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội do lỗi vô ý, sau khi tai nạn xảy ra thì bản thân bị cáo cũng bị thương tích, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 80.000.000đồng, được gia đình bị hại có đơn bãi nại, xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp nên trình độ hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Mặt khác nguyên nhân xãy ra tai nạn là do một phần lỗi của người bị hại, đó là: Người bị hại khi điều khiển xe đạp không đi đúng phần đường theo quy định, khi chuyển hướng không đảm bảo an toàn và trong máu có nồng độ cồn vượt quá mức quy định. Vì vậy khi xem xét lượng hình đối với bị cáo cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bào chữa về mức hình phạt và biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[4]** Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 01 giấy phép lái xe số: 661121804021 hạng A1 mang tên Trần Thị V do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 14/07/2016; 01 xe mô tô biển số

47F1 - 194.76 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47F1 - 194.76, số: 019230 mang tên Hoàng Lưu V1 và 01 xe đạp cho bị cáo V, ông Hoàng Lưu V1 và bà Lưu Thị H3 là các chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

- Đối với 01 đĩa CD có chứa dữ liệu được trích xuất từ Camera an ninh của nhà ông Giáp Văn T4 ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn cần lưu vào hồ sơ để làm chứng cứ giải quyết vụ án

**[5]** Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Thị V đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Xét việc bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 591 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

**[6]** Về án phí: Bị cáo Trần Thị V là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí ình"hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị V.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị V phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hìnhsự;

1. Xử phạt: Trần Thị V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị V cho UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tốhình sự:

- Tuyên trả lại 01 giấy phép lái xe số: 661121804021 hạng A1 mang tên Trần Thị V do Sở giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 14/07/2016 cho bị cáo Trần Thị V; Trả 01 xe mô tô biển số 47F1 - 194.76 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47F1 - 194.76, số: 019230 mang tên Hoàng Lưu V1 cho ông H4 Lưu V1 và trả 01 xe đạp cho bà Lưu Thị H3 là các chủ sở hữu hợp pháp. *(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như*

*biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/02/2025 giữa Công an huyện E và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar).*

- Lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa CD có chứa dữ liệu được trích xuất từ Camera an ninh của nhà ông Giáp Văn T4 ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn .

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 591 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Trần Thị V đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị ết"quyết 326 /2026/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2026 của Uỷ ban Thường vụ Quốc ội."hội.

Bị cáo Trần Thị V là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí hìnhsơ thẩm cho bị cáo Trần Thị V.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-Vụ giám đốc kiểm tra 1-
TAND Tối cao;
-Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND huyện Ea Kar;
-Chi cục THADS huyện Ea Kar;
-Công an huyện Ea Kar;
-Cơ quan THAHS huyện Ea Kar;
-UBND xã C;
-Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Hoàng Long**